

Bản án số: 394/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/5/2021
V/v Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Năm**
2. Bà **Thái Thục Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 797/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và thông báo số 01/2021/TA ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Kim N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441^A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1996 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2020).

Địa chỉ: 107^{A-B} Ngô Quyền, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 05698, quyền số 07 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 28/7/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đỗ Bảo Ch, sinh năm: 1980 là luật sư của Văn phòng luật sư Đỉnh Việt thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Cao H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441^A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Kim N có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn

Thị M trình bày: bà Đoàn Kim N và ông Hoàng Cao H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 ngày 31/5/2012. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn bà N đã nộp đơn xin ly hôn. Tại bản án số 348/2019/HNGĐ-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8: Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Kim N xin ly hôn ông Hoàng Cao H; Về con chung giao 02 con chung Hoàng Cao K1 và Hoàng Cao K2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung bà N và ông H tự thỏa thuận; Về nợ chung bà N và ông H tự khai không có. Sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được việc chia tài sản chung là căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại tòa bà N khởi kiện ông H yêu cầu chia tài sản chung là căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012, đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N.

Bằng cách chia bà N đồng ý giao căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B cho ông H được quyền sở hữu và ông H phải giao cho bà N trị giá nhà và đất tương ứng số tiền 719.799.000 đồng, theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh vượng thì giá trị quyền sở hữu căn hộ là 1.439.598.000 đồng.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Cao H trình bày: vào năm 2011, ông H có mua căn hộ số 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B bằng số tiền riêng của ông H. Trong thời gian hoàn tất thủ tục ly hôn với vợ đầu tiên, ông H có quen và đề nghị bà N đứng tên mua dùm căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2012, ông H kết hôn với bà N và ông H cho bà N đứng tên chung, xác lập căn hộ số 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N. Do đó tài sản trên là tài sản riêng của ông H và bà N không có công sức đóng góp nên ông H đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 200.000.000 đồng. Ông H không đồng ý chia tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đỗ Bảo Ch thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày các đương sự và chứng cứ hồ sơ vụ án. Xác định tài sản chung căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản gắn liền với đất số BL 195313, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012, đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N. Do đó có căn cứ đề chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8, vì vậy vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ, cùng lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định bà Đoàn Kim N và ông Hoàng Cao H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 ngày 31/5/2012. Quá trình chung sống hai bên có tạo lập căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012, đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N.

Tại bản án số 348/2019/HNGĐ-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận 8. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Kim N xin ly hôn ông Hoàng Cao H: Về con chung giao 02 con chung Hoàng Cao K1 và Hoàng Cao K2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung bà N và ông H tự thỏa thuận; Về nợ chung bà N và ông H tự khai không có. Sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được việc chia tài sản chung là căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là có thật.

Xét ý kiến bà N yêu cầu chia tài sản chung là căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012, đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N.

Bằng cách chia bà N đồng ý giao căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H quyền sở hữu và đồng thời ông H phải giao cho bà N 1/2 trị giá nhà và đất tương ứng số tiền 719.799.000 đồng. Theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng thì giá trị quyền sở hữu căn hộ là 1.439.598.000 đồng. Như vậy, tài sản chung của vợ chồng bà N và ông H đều có công sức đóng góp ngang nhau nên mỗi người được chia 1/2 giá trị tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể giá trị phần tài sản mỗi bên được nhận là tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 1.439.598.000 đồng : 2 = 719.799.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần chia tài sản cho các đương sự như sau: Giao cho ông H quyền sở hữu căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H có trách nhiệm giao cho bà N 1/2 giá trị nhà và đất tương ứng số tiền 719.799.000 đồng.

Xét ý kiến ông Hoàng Cao H trình bày: vào năm 2011, ông H có mua căn hộ số 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ

Chí Minh bằng số tiền riêng của ông H. Trong thời gian hoàn tất thủ tục ly hôn với vợ đầu tiên, ông H có quen và đề nghị bà N đứng tên mua dùm căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2012, ông H kết hôn với bà N và ông H cho bà N đứng tên chung, xác lập căn hộ số 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N. Thì như phân tích và lời trình bày của ông H đã thể hiện việc xác lập tài sản chung là căn hộ số 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ hôn nhân giữa các bên là có căn cứ pháp luật.

Đối với ý kiến ông H không đồng ý chia tài sản chung căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì đây là tài sản riêng của ông H và bà N không có công sức đóng góp nên ông H chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 200.000.000 đồng thì lời trình bày này không có căn cứ xem xét.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đỗ Bảo Ch thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M thì lời trình bày này phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản bà N tự nguyện chịu nên không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N và ông H phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Đoàn Kim N đối với ông Hoàng Cao H.

Tài sản chung của bà Đoàn Kim N và ông Hoàng Cao H là căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhựt 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N với tổng giá trị tài sản là 1.439.598.000 (một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng. Chia cho bà Đoàn Kim N được 1/2 giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tương ứng số tiền là 719.799.000 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Chia cho ông Hoàng Cao H được quyền quản lý sử dụng đất và sở hữu căn hộ 03.04 Chung cư Thanh Nhút 3441A Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, diện tích sàn 73,8m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 145, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 195313, số vào sổ cấp GCN: CHO1529 do UBND Quận 8 cấp ngày 30/8/2012 đứng tên ông Hoàng Cao H, bà Đoàn Kim N.

Ông Hoàng Cao H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đoàn Kim N số tiền là 719.799.000 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín chín nghìn) đồng. Giá trị thành tiền phần ông Hoàng Cao H được chia số tiền là 719.799.000 (bảy trăm mười chín triệu bảy trăm chín) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đoàn Kim N phải chịu là 32.791.960 (ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng, bà N đã nộp theo biên lai thu số 0012026 ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đoàn Kim N còn phải nộp thêm số tiền. 22.791.960 (hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Hoàng Cao H phải chịu số tiền 32.791.960 (ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn chín trăm sáu mươi) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành như án đã tuyên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án, riêng đương sự vắng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 8;
- VKSND Quận 8;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc